Toà án nhân dân huyện ân thi tỉnh h- ng yên	**Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2018/QĐST-HNGĐ	*Ân Thi, ngày 12 tháng 02 năm 2018*

quyết định
công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đ□ơng sự

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn T**, SN 1976

Quê quán: K, P, Â, H.

Hiện đang công tác tại: Phân x- ởng sửa chữa vũ khí/ X- ởng sửa chữa vũ khí trang bị kỹ thuật/Cục kỹ thuật/Bộ đội biên phòng.

Địa chỉ: Km, Quốc lộ 32, Ph Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Bị đơn: Chị **Lê Thị Yến H** (*Lê Yến H*), SN 1978

Trú tại: H, N, M, H

Ng- ời có quyền lợi liên quan:

Cháu **Lê Đức Gia H**, sinh ngày 28/02/2002

Cháu **Lê Minh Đ**, sinh ngày 03/2/2008

Ng- ời đại diện cho cháu H, cháu Đ:

Chị **Lê Thị Yến H** (*Lê Yến H*), SN 1978

Trú tại: H, N, M, H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55;81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm,thu nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/02/2018.

Xét thấy:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/02/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn T, SN 1976 và chị Lê Thị Yến H (Lê Yến H), SN 1978.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh Lê Văn T và chị Lê Thị Yến H (Lê Yến H) thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Tấn, chị Hằng có 02 con chung Lê Đức Gia H,sinh ngày 28/02/2002; Lê Minh Đ, sinh ngày 03/2/2008 . Ly hôn anh, chị thỏa thuận để chị H nuôi d- ỡng 02 con chung. Anh T có trách nhiệm cấp d- ỡng tiền nuôi con chung cho chị H với số tiền 1.000.000 đồng/01 cháu/tháng, thời gian cấp d- ỡng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi hai cháu đến tuổi thành niên. Anh Tcó quyền đi lại thăm nom con chung, chị H không đ- ợc ngăn cản.

áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày chị H có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh T không thi hành khoản tiền cấp d- ỡng nói trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán t- ơng ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác*: Anh T, chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí STDS và phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp d- ỡng nuôi con (đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 008933 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N¬i nhËn:

- C¸c ®-¬ng sù;

- VKSND;

- THA;

- UBND x· P, ¢, H.

- L-u HS.

Toà án nhân dân huyện ân thi
Thẩm phán

phạm bá hân